

Osbsorn Drugs » Giải Đáp Câu Hỏi » Carry out là gì ? Khám phá và giải nghĩa về cụm từ “carry out”

Carry out là gì ? Giải nghĩa cụm từ “carry out” chi tiết và chuẩn ngữ pháp, cách sử dụng và gợi ý các từ liên quan đến carry out trong tiếng Anh.

Carry out là gì là một trong các từ khóa được các bạn học tìm kiếm trên mạng xã hội khá phổ biến. Vậy với những bạn không am hiểu rõ về tiếng Anh thì đây cũng là một vấn đề khá khó khăn. Để biết rõ câu trả lời về thông tin và cách dùng của cụm liên kết carry out thì đừng bỏ lỡ bài viết nhé!

Khám phá nghĩa carry out là gì ?

Có không ít bạn quan tâm đến nghĩa của **carry out là gì** ? Điều này cho thấy cụm từ carry out này đang được người dùng ứng dụng nhiều trong cuộc sống hiện nay. Tuy nhiên, các bạn học vẫn còn gặp khó khăn trong việc dịch ngữ nghĩa của câu hoặc cũng có thể bạn học đã quên. Thực chất thì carry out nó là một cụm từ được dùng phổ biến ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Mỗi một lĩnh vực thì có thể hiểu với nghĩa riêng cho câu văn trở nên có nghĩa hơn.

Thông thường thì **carry out** được hiểu với nghĩa là **“thực hiện, tiến hành, thi công”** cho một sự việc, sự định nào trước đó hoặc được người khác nhắc nhở. Bên cạnh đó thì cũng có thể hiểu carry out được dùng với nghĩa là đã hoàn thành một công việc nào đó.

Các ví dụ sử dụng carry out trong tiếng Anh

Để hiểu rõ về carry out thì người học phải ứng dụng vào trong thực tế. Một số ví dụ sử dụng từ carry out như sau:

I tried to carry out the test (Tôi đã cố gắng để thực hiện bài kiểm tra) They carry out constructing a three-storey house (Họ tiến hành xây dựng một ngôi nhà ba tầng) Carry out a task (Thực hiện một nhiệm vụ) Carry out duties of superiors (Thực hiện nhiệm vụ của cấp trên)

Các từ liên quan đến carry out trong tiếng Anh

Để hiểu rõ hơn về carry out thì các bạn phải nắm bắt được các từ có liên quan đến nó. Một số trường hợp người ta sẽ sử dụng từ có nghĩa tương tự với carry out để câu văn trở nên có nghĩa hơn.

Từ đồng nghĩa với carry out

Những từ đồng nghĩa với carry out gần nhất: meet, follow out, carry, put through, discharge, go through, effectuate, accomplish, finalize, achieve, effect, follow through, implement, realize, execute, carry through, fulfill, consummate, follow up, perform.

Từ trái nghĩa với carry out

Những từ trái nghĩa với carry out gần nhất: stop, not finish, leave.

Vậy là thông tin cung cấp trên đây có thể giúp bạn đọc nắm bắt được carry out là gì cũng như biết cách sử dụng như thế nào. Từ đó có thể dùng carry out một cách chuẩn xác, thể hiện được sự chuyên nghiệp và bổ sung thêm kiến thức ngoại ngữ của mình. Ngoài ra, nếu các bạn học cần tìm hiểu ngữ nghĩa các từ, cụm từ thì hãy tham khảo thêm nhiều bài học bổ ích mà Web Đổi Thường cung cấp trên web nhé!

Chuyên mục: Tin Tức Khác

The post [To Carry Out Là Gì ? Khám Phá Và Giải Nghĩa Về Cụm Từ “Carry Out”](https://webdoithuong.com/to-carry-out-la-gi-kham-pha-va-giai-nghia-ve-cum-tu-carry-out/) appeared first on [WEBDOITHUONG](https://webdoithuong.com).

Nguồn: WEBDOITHUONG

<https://webdoithuong.com/to-carry-out-la-gi-kham-pha-va-giai-nghia-ve-cum-tu-carry-out/>